



DANH SÁCH VÀO VÒNG 2 CUỘC THI VÔ ĐỊCH TOEFL JUNIOR 2015 (TOEFL JUNIOR CHALLENGE 2015)

Sắp xếp theo trường, khối lớp và tên



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: THÁI NGUYÊN

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
1	Bùi Minh Châu	27-Oct-04	51700001	6	6A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
2	Hoàng Đức Văn	3-May-04	51700002	6	6A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
3	Nguyễn Yến Chi	14-Feb-04	51700003	6	6A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
4	Hứa Phương Linh	26-Mar-04	51700004	6	6A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
5	Lê Bình Minh	06-Apr-04	51700005	6	6A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
6	Lê Quang Hà	30-Aug-04	51700006	6	6A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
7	Nguyễn Ngọc Linh	19-Oct-04	51700008	6	6A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
8	Trần Thị Minh Ngọc	05-Apr-04	51700009	6	6A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
9	Vũ Hải Huyền	08-Dec-04	51700010	6	6A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
10	Dịch Cảnh Hoàng Nam	29-Apr-04	51700011	6	6A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
11	Phan Quế Anh	05-Dec-04	51700012	6	6A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
12	Bùi Việt Huy	19-Jan-04	51700013	6	6A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
13	Dương Đoàn Thảo Minh	22-Dec-04	51700014	6	6A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
14	Nguyễn Thái Bảo	18-Jan-04	51700016	6	6A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
15	Tạ Hoàng Nam	11-Feb-04	51700017	6	6A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
16	Đào Duy Thái	20-Oct-04	51700019	6	6A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
17	Đào Trung Đức	17-Feb-04	51700020	6	6A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
18	Đỗ Thảo Phương	01-Nov-04	51700021	6	6A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
19	Lê Thị Thu Hiền	30-Jul-04	51700022	6	6A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
20	Nguyễn Ngọc Diệp	21-Dec-04	51700024	6	6A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
21	Lương Diệu Linh	03-Jun-04	51700026	6	6A6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
22	Nguyễn Đại Tùng	02-Oct-04	51700027	6	6A6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
23	Nguyễn Đức Huy	16-Aug-04	51700028	6	6A6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
24	Nguyễn Đức Hưng	09-Jan-04	51700029	6	6A6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
25	Nguyễn Gia Bảo	11-Sep-04	51700030	6	6A6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
26	Nguyễn Hữu Hải Long	26-Nov-04	51700032	6	6A6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
27	Vũ Phương Thảo	06-Nov-04	51700034	6	6A6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
28	Lê Anh Dũng	17-Apr-04	51700036	6	6A7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
29	Lường Hoàng Duy	09-Sep-04	51700038	6	6A7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
30	Phan Trung Nguyên	31-Jul-04	51700039	6	6A7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
31	Đặng Lê Vinh	13-Sep-03	51700040	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
32	Dương Hà Đức Anh	24-Nov-03	51700041	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
33	Hà Thái Sơn	12-May-03	51700042	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
34	Lại Vương Linh Anh	03-Jul-03	51700043	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
35	Lê Như Hà My	21-Mar-03	51700045	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
36	Lê Phương Thảo	23-Mar-03	51700046	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
37	Lê Vũ Nhật Mai	12-Jan-03	51700047	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
38	Nguyễn Hữu Hưng	26-Nov-03	51700048	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
39	Nguyễn Khánh Linh	21-Apr-03	51700049	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
40	Nguyễn Khánh Ly	02-Jan-03	51700050	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
41	Nguyễn Thị Diệu Linh	29-Apr-03	51700051	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
42	Ninh Quỳnh Giao	19-Nov-03	51700052	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
43	Phạm Kiều Anh	16-May-03	51700053	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
44	Trần Ngọc	Khánh	11-Jan-03	51700054	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
45	Trần Nhật	Linh	8-Jun-03	51700055	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
46	Trần Thu	Hà	02-Jun-03	51700056	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
47	Trịnh Hồng	Nhung	26-Oct-03	51700057	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
48	Vũ Ngọc	Khải	14-Nov-03	51700058	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
49	Vũ Thị Phương	Thảo	15-Sep-03	51700059	7	7A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
50	Cần Vinh	Quang	20-Jul-03	51700060	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
51	Đào Thu	Phương	01-Apr-03	51700061	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
52	Đào Tiểu	Nhi	20-Jul-03	51700062	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
53	Đình Gia	Bách	18-Nov-03	51700063	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
54	Đỗ Kiều	Oanh	23-Jan-03	51700064	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
55	Đỗ Thị Thúy	Hiền	06-Nov-03	51700065	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
56	Giang Thị Phương	Thảo	20-Sep-03	51700066	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
57	Hồ Thị Quỳnh	Nhung	17-Nov-03	51700067	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
58	Lê Minh	Vũ	01-Oct-03	51700068	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
59	Nguyễn Lan	Anh	08-Aug-03	51700070	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
60	Nguyễn Ngọc	Minh	24-Nov-03	51700071	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
61	Nguyễn Sơn	Tiến	12-Apr-03	51700072	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
62	Nguyễn Thị Minh	Phượng	11-Dec-03	51700073	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
63	Phạm Thị Hồng	Vy	09-Aug-03	51700076	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
64	Phan Quang	Dũng	28-Nov-03	51700077	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
65	Tạ Phương	Thảo	14-Sep-03	51700078	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
66	Trần Quốc	Thịnh	09-Oct-03	51700079	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
67	Trần Thái Lan	Dương	28-Jun-03	51700080	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
68	Trần Việt	Hưng	11-Aug-03	51700082	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
69	Trịnh Thị Quỳnh Mai	21-Aug-03	51700083	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
70	Vũ Trần Linh Trang	21-Dec-03	51700084	7	7A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
71	Bùi Xuân Khải	08-Mar-03	51700085	7	7A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
72	Nguyễn Đức Hiệp	19-Nov-03	51700086	7	7A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
73	Nguyễn Hoàng Linh	10-Jun-03	51700087	7	7A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
74	Nguyễn Huyền Trang	05-Aug-03	51700088	7	7A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
75	Nguyễn Minh Quân	22-Jul-03	51700089	7	7A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
76	Nguyễn Quỳnh Trang	20-Feb-03	51700090	7	7A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
77	Nguyễn Thị Hương Giang	12-Jan-03	51700091	7	7A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
78	Phạm Đăng Hưng	20-Jan-03	51700092	7	7A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
79	Trần Thị Ngọc Lan	03-Sep-03	51700094	7	7A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
80	Trần Thùy Dương	17-Nov-03	51700095	7	7A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
81	Trương Linh Huệ	17-Nov-03	51700096	7	7A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
82	Vì Thị Giang Khanh	04-Dec-03	51700097	7	7A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
83	Vũ Minh Trang	09-Dec-03	51700098	7	7A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
84	Bùi Anh Dũng	30-Nov-03	51700099	7	7A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
85	Đinh Thị Quỳnh Trang	10-May-03	51700100	7	7A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
86	Đoàn Lê Phương Linh	09-Feb-03	51700101	7	7A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
87	Hoàng Xuân Quyết	20-Nov-03	51700102	7	7A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
88	Nguyễn Anh Vũ	11-Jul-03	51700103	7	7A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
89	Nguyễn Quang Trường	5-Jun-03	51700104	7	7A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
90	Phạm Ngọc Duy	18-Oct-03	51700106	7	7A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
91	Vũ Diệu Thảo	02-Nov-03	51700107	7	7A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
92	Đàm Xuân Nhi	15-Feb-03	51700108	7	7A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
93	Lý Đức Anh	17-Dec-03	51700109	7	7A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
94	Nguyễn Hoàng	Anh	01-Jan-03	51700110	7	7A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
95	Nguyễn Thị Hương	Giang	23-Nov-03	51700111	7	7A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
96	Vũ Phương	Nhi	22-Mar-03	51700113	7	7A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
97	Bùi Xuân	Hiển	15-Sep-03	51700114	7	7A6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
98	Trịnh Ngọc	Dung	09-Oct-03	51700116	7	7A6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
99	Đinh T Phương	Trinh	22-Aug-03	51700117	7	7A7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
100	Dương Quang	Được	03-May-03	51700118	7	7A7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
101	Nguyễn Đỗ T	Dương	06-Oct-03	51700119	7	7A7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
102	Nguyễn Hồng	Ngọc	29-Nov-03	51700120	7	7A7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
103	Trần Thị Vân	Quỳnh	09-Nov-03	51700124	7	7A7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
104	Trần Việt	Hoàng	10-May-03	51700125	7	7A7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
105	Vũ Quang	Tùng	14-Dec-03	51700126	7	7A7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
106	Đồng Tuấn	Linh	15-Oct-03	51700128	7	7A8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
107	Dương Trúc	Linh	08-Oct-03	51700129	7	7A8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
108	Hà Diệp	Linh	29-May-03	51700130	7	7A8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
109	Võ Nguyên	Phương	30-Dec-03	51700131	7	7A8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
110	Đặng Đình	Nam	21-Nov-02	51700132	8	8A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
111	Lê Quang	Thái	18-Aug-02	51700133	8	8A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
112	Nguyễn Thị Khánh	Linh	18-Apr-02	51700134	8	8A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
113	Nguyễn Tùng	Bách	23-May-02	51700136	8	8A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
114	Phan Minh	Đức	18-Jan-02	51700137	8	8A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
115	Tạ Thị Khánh	Huyền	04-Nov-02	51700138	8	8A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
116	Trần Huệ Cẩm	Chi	17-May-02	51700139	8	8A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
117	Vũ Quang	Tuấn	08-Oct-02	51700140	8	8A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
118	Đào Hương	Ly	27-Jul-02	51700141	8	8A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
119	Đinh Thị Mai	Hương	07-Jan-02	51700142	8	8A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
120	Đoàn Ngân	Tú	24-Jan-02	51700143	8	8A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
121	Dương Quỳnh	Trang	01-Mar-02	51700144	8	8A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
122	Lê Việt	Huy	10-Dec-02	51700145	8	8A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
123	Mai Công	Hiếu	14-Jul-02	51700146	8	8A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
124	Ngô Thu	Nga	14-Apr-02	51700147	8	8A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
125	Nguyễn Thu	Huyền	02-Dec-09	51700149	8	8A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
126	Nguyễn Việt Phương	Linh	13-Nov-02	51700150	8	8A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
127	Tạ Văn	Thắng	20-Aug-02	51700151	8	8A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
128	Trần Kiều	An	06-Mar-02	51700152	8	8A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
129	Trần Ngọc Hồng	Quân	18-Oct-02	51700153	8	8A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
130	Từ Vương	Nhi	05-Oct-02	51700154	8	8A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
131	Bùi Hồng	Nhung	02-Oct-02	51700155	8	8A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
132	Đinh Quang	Thành	01-Sep-02	51700156	8	8A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
133	Hoàng Hải	Đăng	18-Jun-02	51700157	8	8A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
134	Hoàng Văn	Mạnh	27-Nov-02	51700158	8	8A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
135	Nguyễn Đăng	Dương	21-Jun-02	51700159	8	8A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
136	Nguyễn Lê Ngân	Hằng	10-Dec-02	51700160	8	8A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
137	Đặng Mai	Linh	25-Jul-02	51700161	8	8A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
138	Nguyễn Quỳnh	Trang	05-Jun-02	51700162	8	8A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
139	Nguyễn Thị Thanh	Vân	26-Dec-02	51700164	8	8A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
140	Vũ Thị Mai	Hương	07-Aug-02	51700165	8	8A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
141	Bùi Bắc Bội	Linh	10-Feb-02	51700166	8	8A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
142	Đỗ Trí	An	31-Jul-02	51700168	8	8A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
143	Đỗ Quang	Trường	25-Dec-02	51700169	8	8A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
144	Lưu Thị Thanh	Thảo	28-Aug-02	51700170	8	8A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
145	Ma Thị Thu	Thủy	27-Apr-02	51700171	8	8A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
146	Nguyễn Duy	Khánh	12-Nov-02	51700172	8	8A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
147	Nguyễn Phương	Linh	29-Sep-02	51700175	8	8A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
148	Nguyễn Thị Lê	Nhung	11-Nov-02	51700176	8	8A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
149	Nguyễn Trà	My	24-Dec-02	51700177	8	8A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
150	Phạm Đăng	Hoàng	23-Sep-02	51700178	8	8A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
151	Trần Thị Phương	Thảo	23-Oct-02	51700179	8	8A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
152	Bùi Thị Ngọc	Huyền	18-Jul-02	51700180	8	8A6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
153	Lương Minh	Thảo	26-May-02	51700182	8	8A6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
154	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Mai	09-Dec-02	51700183	8	8A6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
155	Ma Thị Huyền	Trang	22-Aug-02	51700186	8	8A8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
156	Đỗ Đình	Nam	12-Aug-01	51700189	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
157	Đỗ Hòa	An	24-Sep-01	51700190	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
158	Đoàn Thị Linh	Chi	09-Oct-01	51700192	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
159	Hồ Diệu	Anh	10-Feb-01	51700193	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
160	Hoàng Đình	Long	28-Oct-01	51700194	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
161	Hoàng Phương	Linh	29-Aug-00	51700196	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
162	Mông Đình	Hiếu	16-Jul-01	51700199	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
163	Ngô Thị Thu	Huyền	20-Aug-01	51700200	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
164	Nguyễn Anh	Đức	16-Feb-01	51700201	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
165	Nguyễn Ngọc	Anh	30-Oct-01	51700205	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
166	Nguyễn Phương	Nhật	24-Mar-01	51700206	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
167	Nguyễn Tất	Đạt	05-Jan-01	51700207	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
168	Nguyễn Thế	Dương	01-Jan-01	51700208	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
169	Nguyễn Thế	Hiển	13-Nov-01	51700209	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
170	Nguyễn Thị Phương	Thảo	19-Nov-01	51700211	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
171	Nguyễn Tuấn	Vũ	16-May-01	51700213	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
172	Nguyễn Xuân	Thắng	07-Sep-01	51700214	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
173	Phạm Thị Linh	Chi	23-Aug-01	51700216	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
174	Trần Hải	Yến	29-Sep-01	51700217	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
175	Trần Thị Hồng	Nhung	04-Mar-01	51700218	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
176	Trần Thị Lan	Hương	10-Nov-01	51700219	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
177	Vũ Huy	Hoàng	02-Jun-01	51700222	9	9A1	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
178	Đào Trường	Thịnh	28-Feb-01	51700225	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
179	Dương Đức	Thắng	28-Feb-01	51700226	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
180	Hoàng Thục	Anh	22-Aug-01	51700227	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
181	Lê Quang	Minh	19-May-01	51700228	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
182	Lục Thái	Sơn	26-Jun-01	51700229	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
183	Mai Diệu	Ngân	24-Sep-01	51700230	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
184	Ngô Duy	Khánh	3-Jan-01	51700231	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
185	Ngô Văn	Đức	22-May-01	51700232	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
186	Nguyễn Anh	Tú	19-Sep-01	51700233	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
187	Nguyễn Chí	Đạt	30-Nov-01	51700234	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
188	Nguyễn Hoài	Ngọc	23-Nov-01	51700235	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
189	Nguyễn Lê Hoàng	Lan	24-Apr-01	51700236	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
190	Nguyễn Nguyệt	Anh	06-Jul-01	51700239	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
191	Nguyễn Vũ	Thái	13-Nov-01	51700240	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
192	Trần Ngọc	Linh	03-May-01	51700242	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
193	Trần Thu	Hà	25-Oct-01	51700243	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
194	Trịnh Thùy	Linh	27-Sep-01	51700244	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
195	Vũ Huy	Hoàng	30-Sep-01	51700245	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
196	Vũ Mạnh	Cường	30-Oct-01	51700246	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
197	Vũ Trần Thu	Quyên	08-Nov-01	51700247	9	9A2	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
198	Đào Ngọc	Huyền	24-Sep-01	51700248	9	9A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
199	Lê Minh	Đức	13-Aug-01	51700249	9	9A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
200	Nguyễn Hương	Trang	17-Apr-01	51700250	9	9A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
201	Quan Thị Thủy	Tiên	24-Jan-01	51700252	9	9A3	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
202	Đinh Huy	Hoàn	19-Jun-01	51700253	9	9A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
203	Dương Quỳnh	Hoa	22-Jul-01	51700254	9	9A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
204	Phạm Tuấn	Anh	11-Apr-01	51700255	9	9A4	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
205	Lưu Hồng	Nhung	12-Mar-01	51700256	9	9A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
206	Nguyễn Thị Hồng	Vân	26-Apr-01	51700260	9	9A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
207	Nguyễn Tuấn	Anh	25-Jan-01	51700261	9	9A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
208	Trần Lê Minh	Đức	17-Sep-01	51700263	9	9A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
209	Vũ Hoàng Yến	Linh	10-Jun-01	51700265	9	9A5	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
210	Lê Hữu	Hoàng	24-Jan-04	51700268	6	6A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
211	Lê Ngọc	Anh	04-Oct-04	51700269	6	6A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
212	Nguyễn Kiều	Trang	03-Jun-04	51700272	6	6A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
213	Nguyễn Xuân	Mạnh	09-Mar-04	51700279	6	6A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
214	Trần Bảo	Cúc	08-Feb-04	51700282	6	6A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
215	Chu Hồng	Khánh	14-Apr-04	51700285	6	6A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
216	Hoàng Thu	Uyên	17-Jul-04	51700286	6	6A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
217	Ngô An	Vi	07-Aug-04	51700287	6	6A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
218	Nguyễn Ánh	Dương	20-Oct-04	51700288	6	6A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
219	Nguyễn Lê	Hoàng	4-Jul-04	51700289	6	6A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
220	Nguyễn Linh	Phương	10-Jul-04	51700290	6	6A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
221	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngân	18-Jun-04	51700292	6	6A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
222	Nguyễn Thị Thùy	Linh	15-Aug-04	51700293	6	6A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
223	Nông Mạnh	Kiên	11-Mar-04	51700295	6	6A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
224	Phạm Hà Nam	Khánh	03-Aug-04	51700296	6	6A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
225	Trần Hà	Minh	10-Oct-04	51700297	6	6A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
226	Trương Hạnh	Phương	26-Nov-04	51700298	6	6A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
227	Đặng Chiến	Thắng	04-Dec-04	51700300	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
228	Đỗ Quỳnh	Hương	08-Nov-04	51700301	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
229	Dương Minh	Hiếu	29-Sep-04	51700302	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
230	Hoàng Trung	Kiên	06-Aug-04	51700303	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
231	Lê Thanh	Hải	30-Aug-04	51700304	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
232	Nguyễn Đức	Trọng	20-Apr-04	51700306	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
233	Nguyễn Hải	Dương	01-Feb-04	51700307	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
234	Nguyễn Ngọc	Hoa	27-Jul-04	51700308	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
235	Nguyễn Quang	Sáng	04-Mar-04	51700309	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
236	Nguyễn Thái	Sơn	06-Apr-04	51700310	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
237	Nguyễn Thảo	Ly	14-Dec-04	51700311	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
238	Nguyễn Thị Diệu	Linh	15-Jan-04	51700312	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
239	Phạm Thúy	Hiền	20-Mar-04	51700314	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
240	Phan Đức	Minh	03-Oct-04	51700315	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
241	Tô Thu	Hiền	26-May-04	51700316	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
242	Trần Mai	Anh	09-Oct-04	51700317	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
243	Trần Phương	Anh	27-Dec-04	51700318	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
244	Trần Thảo Quỳnh	17-Apr-04	51700319	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
245	Trương Đức Anh	13-Nov-04	51700320	6	6A3	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
246	Đinh Mai Lan	20-Dec-03	51700321	7	7A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
247	Nguyễn Thị Ngọc Yến	22-Jan-03	51700325	7	7A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
248	Nông Trường An	02-Feb-03	51700327	7	7A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
249	Chu Dương Lâm	06-Jul-03	51700328	7	7A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
250	Hoàng Nhật Minh	26-Dec-03	51700329	7	7A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
251	La Thảo Trang	21-Mar-03	51700330	7	7A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
252	Nguyễn Hương Giang	06-Feb-03	51700335	7	7A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
253	Nguyễn Tiến Tân	15-Nov-03	51700336	7	7A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
254	Nguyễn Vũ Tùng Chi	16-Jul-03	51700337	7	7A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
255	Phạm Hương Giang	26-Jan-03	51700338	7	7A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
256	Trần Thị Minh Ngọc	02-Jul-03	51700340	7	7A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
257	Trần Thị Quỳnh Chi	27-Mar-03	51700341	7	7A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
258	Dương Thị Thu Hiếu	06-Jun-02	51700344	8	8A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
259	Hoàng Quỳnh Anh	03-Jul-02	51700345	8	8A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
260	Lê Thu Hiền	04-Nov-02	51700346	8	8A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
261	Ngô Mai Huyền	20-Mar-02	51700347	8	8A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
262	Nguyễn Ngọc Quỳnh	15-Sep-02	51700349	8	8A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
263	Nguyễn Thị Hồng Minh	29-Sep-02	51700350	8	8A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
264	Phạm Quang Huy	09-Nov-02	51700351	8	8A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
265	Tạ An Khánh	19-Jan-02	51700352	8	8A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
266	Trần Nguyễn Huyền Trang	26-Feb-02	51700353	8	8A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
267	Từ Ngọc Mai	4-Mar-02	51700354	8	8A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
268	Lưu Linh Linh	14-Dec-02	51700356	8	8A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
269	Nguyễn Minh	Huyền	08-Nov-02	51700357	8	8A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
270	Phạm Trọng	Thành	30-Apr-02	51700358	8	8A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
271	Trịnh Khánh	Huy	27-Sep-02	51700359	8	8A2	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
272	Hoàng Quang	Vinh	25-Aug-01	51700361	9	9A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
273	Nguyễn Thị Nam	Phương	14-Sep-01	51700363	9	9A1	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
274	Dương Minh	Huệ	08-Oct-04	51700365	6	6A	THCS Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên
275	Trương Thị	Yến	19-Apr-04	51700366	6	6B	THCS Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên
276	Hoàng Quốc	Việt	07-Jul-03	51700367	7	7A	THCS Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên
277	Đồng Thị Ngọc	Quỳnh	06-Feb-04	51700369	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
278	Hoàng Minh Phúc	Hải	12-Jun-04	51700371	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
279	Hoàng Tiến	Đạt	03-Jan-04	51700372	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
280	Lê Bảo	Phương	26-Apr-04	51700373	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
281	Lê Đức	Duy	21-Jan-04	51700374	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
282	Lê Thị Thùy	Trang	29-Jan-04	51700375	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
283	Ngô Trang	Thư	26-Oct-04	51700376	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
284	Nguyễn Phương	Thảo	29-May-04	51700378	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
285	Nguyễn Quang	Minh	19-Jan-04	51700379	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
286	Nguyễn Quốc	An	05-Mar-04	51700380	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
287	Nguyễn Quỳnh	Anh	23-Jan-04	51700381	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
288	Nguyễn Thanh	Hiển	01-Oct-04	51700382	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
289	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	23-Jan-04	51700383	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
290	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20-Apr-04	51700384	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
291	Nguyễn Thu	Trà	04-Sep-04	51700385	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
292	Nguyễn Thu	An	08-Sep-04	51700386	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
293	Nguyễn Trúc	Quỳnh	24-Jun-04	51700387	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
294	Nguyễn Vũ Đăng	Nguyên	16-Oct-04	51700388	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
295	Nguyễn Xuân	Đạt	20-Mar-04	51700389	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
296	Phan Duy	Hoàng	10-Sep-04	51700391	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
297	Trịnh Mai	Quỳnh	27-Sep-04	51700392	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
298	Trương Mạnh	Tiến	04-Sep-04	51700393	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
299	Vũ Tuấn	Dũng	24-Dec-04	51700394	6	6A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
300	Lê Hà	Vy	02-May-04	51700397	6	6A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
301	Lê Hoàng Hương	Giang	08-Dec-04	51700398	6	6A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
302	Lê Quỳnh	Trang	05-Dec-04	51700399	6	6A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
303	Nguyễn Hoàng	Phương	23-Feb-04	51700400	6	6A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
304	Phạm Quốc	Khánh	20-Nov-04	51700402	6	6A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
305	Phạm Trường	Giang	01-Jul-04	51700403	6	6A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
306	Tổng Khánh	Chi	06-Oct-04	51700404	6	6A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
307	Trần Đình	Long	02-Feb-04	51700405	6	6A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
308	Trần Hữu	Đạo	31-Dec-04	51700406	6	6A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
309	Trần Linh	Trang	06-Jan-04	51700407	6	6A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
310	Trần Ngọc Lưu	Ly	02-Jul-04	51700408	6	6A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
311	Trần Thị Châu	Linh	06-Nov-04	51700409	6	6A2	THCS Chu Văn An	Phường Quang Trung
312	Đặng Lê	Bách	14-Aug-04	51700410	6	6A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
313	Hà Quang	Minh	07-Nov-04	51700412	6	6A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
314	Lương Trường	Giang	07-Feb-04	51700413	6	6A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
315	Nguyễn Khánh	Linh	11-Dec-04	51700415	6	6A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
316	Nguyễn Lan	Chi	30-Aug-04	51700416	6	6A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
317	Nguyễn Minh	Tuấn	01-Mar-04	51700417	6	6A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
318	Nguyễn Minh Ngọc	Quỳnh	21-May-04	51700418	6	6A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
319	Nguyễn Tiến Mạnh	10-Jul-04	51700419	6	6A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
320	Trần Minh Đức	23-Nov-04	51700421	6	6A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
321	Trương Bảo Linh	27-Apr-04	51700422	6	6A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
322	Dương Anh Vũ	03-Jan-04	51700423	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
323	Dương Thanh Tùng	18-Feb-04	51700424	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
324	Hoàng Đức Mạnh	03-Jul-04	51700425	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
325	Luân Quang Minh	19-May-04	51700426	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
326	Lưu Tuấn Dũng	23-Nov-04	51700427	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
327	Nguyễn Bảo Chính	14-Apr-04	51700429	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
328	Nguyễn Đàm Bảo Ngọc	20-Apr-04	51700430	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
329	Nguyễn Hà Ngân	29-Apr-04	51700431	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
330	Nguyễn Hoàng Vũ	14-Jul-04	51700432	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
331	Nguyễn Lâm Minh Đức	25-Sep-04	51700433	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
332	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	26-Sep-04	51700434	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
333	Nguyễn Minh Ngọc	08-Apr-04	51700435	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
334	Nguyễn Như Quỳnh	13-Feb-04	51700436	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
335	Nguyễn Quốc Dũng	27-Nov-04	51700437	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
336	Nguyễn Thị Khánh Huyền	27-May-04	51700438	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
337	Nguyễn Thị Mai Hạnh	19-Dec-04	51700439	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
338	Nguyễn Trúc Mai	28-Aug-04	51700441	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
339	Phạm Long Vũ	11-Dec-04	51700442	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
340	Triệu Hoàng Nguyên	26-Mar-04	51700445	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
341	Vi Thủy Linh	4-May-04	51700446	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
342	Võ Hà Nguyên	04-May-04	51700447	6	6A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
343	Chu Văn Hùng	18-Dec-04	51700448	6	6A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
344	Hoàng Nguyễn	Milan	19-Aug-04	51700451	6	6A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
345	Lê Đức	Huy	13-Aug-04	51700452	6	6A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
346	Lê Tiến	Dũng	23-Jun-04	51700453	6	6A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
347	Ma Thị Hoàn	Diễm	13-Jan-04	51700454	6	6A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
348	Ngô Ngọc	Khánh	16-Aug-04	51700455	6	6A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
349	Nguyễn Như	Quỳnh	01-Mar-04	51700457	6	6A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
350	Nguyễn Phan Hải	Linh	08-Oct-04	51700458	6	6A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
351	Nguyễn Thị Kim	Ngân	15-Jan-04	51700460	6	6A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
352	Nguyễn Thu	Trang	05-Aug-04	51700461	6	6A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
353	Ninh Bảo	Lâm	01-Feb-04	51700464	6	6A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
354	Trần Quỳnh	Trang	20-Sep-04	51700465	6	6A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
355	Trần Thu	Hằng	13-Jan-04	51700467	6	6A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
356	Lê Chí	Nghĩa	20-Sep-03	51700468	7	7A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
357	Nguyễn Ngọc Linh	Chi	3-Feb-03	51700469	7	7A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
358	Phạm Quang	Huy	21-Jul-03	51700470	7	7A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
359	Đoàn Minh	Ngọc	30-May-03	51700472	7	7A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
360	Hà Đức	Hùng	21-Feb-03	51700473	7	7A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
361	Hà Phương	Mai	12-Apr-03	51700474	7	7A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
362	Lê Quang	Đức	29-Oct-03	51700475	7	7A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
363	Ngô Hương	Giang	30-Jul-03	51700476	7	7A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
364	Ngô Quỳnh	Chi	21-Nov-03	51700477	7	7A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
365	Nguyễn Hoàng	Long	26-Dec-03	51700478	7	7A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
366	Nguyễn Hương	Ngân	12-Feb-03	51700480	7	7A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
367	Nguyễn Khắc	Nhật	08-Sep-03	51700482	7	7A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
368	Nguyễn Thế	An	06-Aug-03	51700483	7	7A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
369	Tạ Tùng	Dương	11-Nov-03	51700484	7	7A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
370	Vũ Trinh	Hoàng	06-Jan-03	51700486	7	7A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
371	Bùi Huyền	My	29-Nov-03	51700487	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
372	Bùi Quang	Huy	14-Mar-03	51700488	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
373	Đặng Khánh	Linh	19-Sep-03	51700489	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
374	Đào Thùy	Linh	19-Dec-03	51700490	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
375	Đỗ Thị Thùy	Dương	12-Jul-03	51700491	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
376	Dương Quốc	Hung	11-May-03	51700492	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
377	Hoàng Phương	Thảo	29-Dec-03	51700493	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
378	Lý Thu	Thảo	08-May-03	51700494	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
379	Nguyễn Bình	Nguyên	03-Oct-03	51700495	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
380	Nguyễn Đức Tuấn	Ngọc	30-Dec-03	51700496	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
381	Nguyễn Hồng	Nguyên	20-Nov-03	51700497	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
382	Nguyễn Phương	Anh	26-May-03	51700498	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
383	Nguyễn Thu	Hương	13-Apr-03	51700499	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
384	Trần Dạ	Thảo	02-Nov-03	51700500	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
385	Trần Huệ	Linh	01-Mar-03	51700501	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
386	Trịnh Quang	Hùng	11-Mar-03	51700502	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
387	Bùi Đại	Thiên	14-Jul-03	51700504	7	7A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
388	Cao Đức	Đạt	29-Jun-03	51700505	7	7A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
389	Đoàn Phúc	Nguyên	16-Sep-03	51700506	7	7A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
390	Dương Quỳnh	Phương	08-Jan-03	51700507	7	7A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
391	Lê Mai	Chi	23-Aug-03	51700508	7	7A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
392	Nguyễn Hoàng	Lâm	04-Jan-03	51700509	7	7A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
393	Nguyễn Ngọc	Anh	10-Oct-03	51700510	7	7A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
394	Nguyễn Như	Dương	22-Feb-03	51700511	7	7A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
395	Nguyễn Thanh Hoài	Anh	14-Nov-03	51700512	7	7A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
396	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	11-Aug-03	51700513	7	7A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
397	Phan Thị Hải	Yến	17-Aug-03	51700516	7	7A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
398	Vũ Thị Thu	Hà	16-Nov-03	51700517	7	7A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
399	Vương Đỗ Quang	Minh	26-Apr-03	51700518	7	7A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
400	Cao Linh Mai	Phương	16-Jun-03	51700519	7	7A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
401	Dương Tuấn	Cương	11-Dec-03	51700520	7	7A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
402	Hoàng Minh	Ánh	2-Nov-03	51700521	7	7A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
403	Lục Duy	Khánh	17-Sep-03	51700522	7	7A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
404	Nguyễn Đoàn	Du	28-Sep-03	51700523	7	7A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
405	Nguyễn Lan	Hương	23-Jul-03	51700524	7	7A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
406	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	18-Sep-03	51700525	7	7A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
407	Nguyễn Thái	Hòa	18-May-03	51700526	7	7A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
408	Nguyễn Tiến	Đạt	12-Mar-03	51700527	7	7A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
409	Phạm Diễm	Quỳnh	25-Aug-03	51700528	7	7A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
410	Trần Ngọc	Mai	19-Mar-03	51700531	7	7A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
411	Trịnh Khánh	Linh	17-Oct-03	51700532	7	7A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
412	Vũ Dương Việt	Anh	30-Oct-03	51700533	7	7A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
413	Vũ Duy	An	02-Jan-03	51700534	7	7A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
414	Đặng Lê	Phương	07-Apr-02	51700535	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
415	Đặng Mai	Linh	02-Sep-02	51700536	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
416	Đỗ Thị Thanh	Bình	25-Oct-02	51700537	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
417	Dương Minh	Quang	16-Mar-02	51700539	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
418	Hoàng Thị Phương	Hiền	04-Aug-02	51700542	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
419	Hoàng Thị Thu	Trang	11-Nov-02	51700543	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
420	Lê Danh	Phương	27-Mar-02	51700544	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
421	Mai Thanh	Long	24-Mar-02	51700546	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
422	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	05-Sep-02	51700547	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
423	Nguyễn Thị Hoa	Quỳnh	15-Aug-02	51700548	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
424	Nguyễn Thu	Phương	08-Aug-02	51700549	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
425	Phạm Duy	Phan	27-Sep-02	51700551	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
426	Phạm Thị Phương	Thảo	26-Nov-02	51700552	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
427	Phan Nhật	Linh	12-Oct-02	51700553	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
428	Tăng Diệu	Linh	02-Jul-02	51700554	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
429	Trần Phương	Linh	03-Sep-02	51700555	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
430	Vũ Đức	Mạnh	14-Aug-02	51700557	8	8A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
431	Ân Đặng Hữu	Huy	17-Mar-02	51700558	8	8A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
432	Đặng Hiếu	Nhân	01-Nov-02	51700559	8	8A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
433	Nguyễn Quang	Vũ	13-Feb-02	51700562	8	8A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
434	Nguyễn Quang	Huy A	03-Jun-02	51700563	8	8A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
435	Nông Thị Trang	Nhung	27-Oct-02	51700564	8	8A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
436	Triệu Xuân	Hòa	07-Aug-02	51700565	8	8A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
437	Trịnh Tùng	Chi	30-Sep-02	51700566	8	8A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
438	Vũ Thu	Phương	19-Sep-02	51700568	8	8A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
439	Đặng Thị Ngân	Hà	18-Sep-02	51700569	8	8A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
440	Lê Trần Thảo	Ngân	02-Mar-02	51700570	8	8A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
441	Nguyễn Đức	Hung	05-Apr-02	51700572	8	8A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
442	Nguyễn Khánh	Linh	19-Jul-02	51700573	8	8A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
443	Nguyễn Minh	Hạnh	31-Jan-02	51700574	8	8A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
444	Nguyễn Trà	My	13-Jun-02	51700575	8	8A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
445	Phạm Bảo	Ngọc	21-Sep-02	51700577	8	8A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
446	Trần Mai	Chi	27-Feb-02	51700578	8	8A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
447	Đặng Hải	Sơn	12-Jul-02	51700579	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
448	Dương Thu	Trà	12-Oct-02	51700580	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
449	Hoàng Thái	Hà	10-Dec-02	51700581	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
450	Lê Huyền	Trang	25-Jun-02	51700582	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
451	Mai Trần Cẩm	Nhung	17-Feb-02	51700583	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
452	Nguyễn Cẩm	Thi	15-Oct-02	51700584	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
453	Nguyễn Đức	Huy	02-Aug-02	51700585	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
454	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	17-Mar-02	51700586	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
455	Nguyễn Sơn	Tùng	03-Nov-02	51700587	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
456	Nguyễn Trung	Quân	16-Apr-02	51700588	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
457	Nguyễn Văn	Huy	12-May-02	51700589	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
458	Nguyễn Việt Hà	Đức	18-Mar-02	51700590	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
459	Phạm Đặng Mai	Phương	22-Dec-02	51700591	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
460	Phạm Phương	Thảo	13-Aug-02	51700592	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
461	Phạm Quốc	Anh	05-Jun-02	51700593	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
462	Phan Quang	Đạt	23-Oct-02	51700594	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
463	Trần Thảo	Linh	23-Mar-02	51700596	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
464	Trần Thị Phương	Thảo	02-Jul-02	51700597	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
465	Trương Khánh	Linh	06-Mar-02	51700598	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
466	Trương Việt	Anh	03-Aug-02	51700599	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
467	Vũ Thị Minh	Chi	22-Sep-02	51700600	8	8A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
468	Bế Cao	Sơn	12-Aug-02	51700601	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
469	Đặng Doãn Cẩm	Ly	18-Oct-02	51700602	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
470	Đào Thị Diễm	Quỳnh	01-Jun-02	51700604	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
471	Dương Khánh	Trường	24-Apr-02	51700605	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
472	Lê Phương	Đức	14-Mar-02	51700606	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
473	Lê Quốc	Huy	23-Nov-02	51700607	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
474	Lưu Thị Mai	Anh	04-Feb-02	51700608	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
475	Ngô Hiền	Minh	19-Aug-02	51700609	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
476	Nguyễn Anh	Thư	03-Jan-02	51700610	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
477	Nguyễn Diệu	Linh	14-Sep-02	51700611	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
478	Nguyễn Thái	Dương	01-May-02	51700612	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
479	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	26-Nov-02	51700613	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
480	Nguyễn Thu	Huyền	11-Dec-02	51700615	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
481	Nguyễn Thu	Trang	21-Oct-02	51700616	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
482	Phạm Thái	Hà	07-Aug-02	51700618	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
483	Phạm Tiến	Son	29-Apr-02	51700619	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
484	Trần Hương	Trà	24-Mar-02	51700620	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
485	Trần Ngọc Hiền	Linh	12-Jul-02	51700621	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
486	Trần Thảo	Nguyên	21-Jan-02	51700622	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
487	Bùi Văn Thành	Long	13-Jan-01	51700623	9	9A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
488	Đào Thị Phương	Linh	30-Sep-01	51700624	9	9A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
489	Đinh Thảo	Anh	07-Nov-01	51700625	9	9A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
490	Đỗ Phú	An	09-Nov-01	51700626	9	9A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
491	Hoàng Minh	Chiến	09-Jul-01	51700627	9	9A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
492	Hoàng Trà	Mi	21-Sep-01	51700628	9	9A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
493	Nguyễn Hữu	Anh	07-Mar-01	51700630	9	9A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
494	Nguyễn Quốc	Dũng	18-Aug-01	51700631	9	9A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
495	Nguyễn Thị Vân	Chung	11-Jan-01	51700633	9	9A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
496	Phạm Hoàng	Mạnh	17-Aug-01	51700634	9	9A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
497	Phạm Quang Trường	Minh	26-Oct-01	51700635	9	9A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
498	Tạ Minh	Đức	15-Jan-01	51700636	9	9A1	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
499	Hoàng Phương	Anh	09-Aug-01	51700639	9	9A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
500	Nghiêm Xuân	Hung	09-Aug-01	51700640	9	9A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
501	Nguyễn Hà Việt	Anh	16-Jan-01	51700641	9	9A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
502	Nguyễn Thành	Công	31-Jul-01	51700642	9	9A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
503	Nông Tuệ	Tâm	21-Sep-01	51700643	9	9A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
504	Phạm Thị Vân	Anh	07-Aug-01	51700645	9	9A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
505	Phùng Mai	Linh	01-Feb-01	51700646	9	9A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
506	Vũ Quang	Huy	15-Dec-01	51700647	9	9A2	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
507	Bế Duy	Nhật	27-May-01	51700648	9	9A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
508	Hoàng Thảo	Nguyên	28-Feb-01	51700649	9	9A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
509	Hoàng Thủy	Tiên	22-May-01	51700650	9	9A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
510	Ngô Hồng	Sơn	28-Jan-01	51700651	9	9A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
511	Nguyễn Phương	Linh	30-Jul-01	51700652	9	9A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
512	Trần Ngọc	Mai	22-Dec-01	51700653	9	9A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
513	Lê .N. Đại	Bảo	01-Dec-01	51700654	9	9A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
514	Lê Chí	Mạnh	07-Jul-01	51700655	9	9A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
515	Tạ .D. Hồng	Nhung	25-Apr-01	51700658	9	9A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
516	Tổng Thị Quỳnh	Mai	16-Sep-01	51700659	9	9A4	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
517	Đỗ Hoàng Anh	Tuấn	30-Sep-01	51700660	9	9A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
518	Đỗ Minh	Ngọc	29-Jul-01	51700661	9	9A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
519	Dương Thị Hương	Quỳnh	28-Mar-01	51700662	9	9A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
520	Dương Thị Thảo	Linh	16-Feb-01	51700663	9	9A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
521	Hạ Ngọc Đan	Trang	29-Apr-01	51700664	9	9A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
522	Hà Thảo	Nhung	23-May-01	51700665	9	9A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
523	Hoàng Việt	Anh	27-May-01	51700667	9	9A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
524	Hứa Tùng	Lâm	07-Mar-01	51700668	9	9A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
525	Lê Thị Quỳnh	Anh	11-Dec-01	51700669	9	9A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
526	Lê Thu	Trang	01-May-01	51700670	9	9A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
527	Lê Thu	Trang	13-Jun-01	51700671	9	9A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
528	Nguyễn Thị Hà	Ngân	22-Dec-01	51700674	9	9A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
529	Nguyễn Thị Khánh	Linh	01-Sep-01	51700675	9	9A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
530	Nguyễn Vũ	Anh	09-Jul-01	51700676	9	9A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
531	Trần Thùy	Dương	27-Nov-01	51700677	9	9A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
532	Bành Quỳnh	Phương	13-Nov-04	51700678	6	6A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
533	Chu Hồng	Ngọc	24-Jun-04	51700680	6	6A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
534	Hoàng Huy	Hoàng	02-Jan-04	51700681	6	6A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
535	Hoàng Phương	Dương	08-Nov-04	51700682	6	6A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
536	Nguyễn Cẩm	Tú	15-Aug-04	51700683	6	6A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
537	Nguyễn Huyền	Linh	20-Oct-04	51700684	6	6A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
538	Nguyễn Thị Thu	Thủy	13-Aug-04	51700685	6	6A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
539	Phạm Nguyễn Khánh	Linh	05-May-04	51700686	6	6A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
540	Võ Khánh	Ngọc	16-Aug-04	51700687	6	6A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
541	Lê Ngọc	Linh	08-Mar-04	51700689	6	6A2	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
542	Mai Thị Vân	An	15-Nov-04	51700691	6	6A2	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
543	Nguyễn Vũ Hồng	Ngọc	17-Oct-04	51700694	6	6A2	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
544	Phạm Đức	Chiến	29-Sep-04	51700695	6	6A2	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
545	Trịnh Thanh	Bình	11-Nov-04	51700697	6	6A2	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
546	Hà Phương	Anh	14-Apr-03	51700698	7	7A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
547	Lưu Thu	Trang	18-Nov-03	51700699	7	7A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
548	Nguyễn Đăng	Dương	07-Dec-03	51700700	7	7A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
549	Nguyễn Đức	Thắng	04-Jun-03	51700701	7	7A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
550	Nguyễn Hương	Thảo	29-Jan-03	51700702	7	7A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
551	Nguyễn Huy	Hoàng	21-Aug-03	51700703	7	7A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
552	Nguyễn Minh	Anh	05-Dec-03	51700704	7	7A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
553	Nguyễn Phương Trúc	Linh	31-Oct-03	51700705	7	7A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
554	Nguyễn Quý	Dương	20-May-03	51700706	7	7A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
555	Nguyễn Thị Trà	Giang	02-Jan-03	51700707	7	7A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
556	Nguyễn Tiến	Đạt	04-Oct-03	51700708	7	7A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
557	Tô Thu	Phương	03-Jul-03	51700709	7	7A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
558	Vũ Duy	Anh	21-Oct-03	51700710	7	7A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
559	Vũ Nguyên	Dũng	07-Aug-03	51700711	7	7A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
560	Vũ Phạm Quốc	Huy	03-Oct-03	51700712	7	7A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
561	Dương Hương	Giang	25-Aug-02	51700714	8	8A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
562	Hoàng Thị Thùy	Dung	14-Dec-02	51700715	8	8A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
563	Nghiêm Thị Khánh	Linh	20-Jan-02	51700716	8	8A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
564	Nguyễn Khánh	Linh B	07-Dec-02	51700717	8	8A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
565	Nguyễn Khánh	Linh A	22-Feb-02	51700718	8	8A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
566	Nhữ Thị Thu	Hà	20-Sep-02	51700719	8	8A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
567	Trịnh Phương	Anh	11-Oct-02	51700720	8	8A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
568	Võ Trần Cẩm	Nhung	18-Mar-02	51700721	8	8A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
569	Bành Thị Hương	Quỳnh	07-May-01	51700722	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
570	Bùi Khánh	Linh	18-Nov-01	51700723	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
571	Chu Thị Thùy	Linh	13-Oct-01	51700724	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
572	Đặng Minh	Ngọc	24-Aug-01	51700725	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
573	Lê Trần Minh	Hương	01-Dec-01	51700726	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
574	Nguyễn Huy	Nghĩa	04-Sep-01	51700727	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
575	Nguyễn Minh	Đức	18-Nov-01	51700728	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
576	Nguyễn Thái	Bình	11-Dec-01	51700729	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
577	Nguyễn Thị Minh	Anh	13-Feb-01	51700730	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
578	Nguyễn Thị Vân	Anh	19-Feb-01	51700731	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
579	Nguyễn Trà	My	21-Dec-01	51700732	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
580	Trần Anh	Tú	26-Mar-01	51700733	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
581	Vũ Lưu Hoàng	Long	08-Jan-01	51700734	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
582	Vũ Ngọc	Anh	22-Dec-01	51700735	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
583	Vũ Như	Quỳnh	11-Oct-01	51700736	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
584	Vương Quốc	Hiếu	26-Mar-01	51700737	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
585	Vương Quốc	Dũng	11-Jun-01	51700738	9	9A1	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
586	Đỗ Thị Phương	Anh	26-Sep-01	51700739	9	9A2	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
587	Nguyễn Thúy	Quỳnh	03-Feb-01	51700740	9	9A2	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
588	Phùng Ngọc	Ánh	7-Feb-01	51700741	9	9A2	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
589	Tăng Thị Thu	Hương	11-Aug-01	51700742	9	9A2	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
590	Trần Lan	Anh	05-Aug-01	51700743	9	9A2	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
591	Vũ Đặng Khánh	Linh	23-May-01	51700744	9	9A2	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
592	Nguyễn Mỹ	Duyên	21-Dec-01	51700745	9	9A3	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên
593	Hoàng Ngọc	Huyền	08-Jan-03	51700746	7	7A	THCS Đồng Bầm	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
594	Bùi Mai	Linh	07-Nov-04	51700747	6	6a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
595	Lê Phương	Anh	17-Jul-04	51700750	6	6a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
596	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	03-Feb-04	51700753	6	6a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
597	Phạm Thuỳ	Dương	23-Oct-04	51700755	6	6a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
598	Nguyễn Đức	Duy	23-Nov-04	51700757	6	6a2	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
599	Hoàng Hải	Quyên	20-Dec-04	51700758	6	6a3	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
600	Hoàng Khánh	Châu	16-Sep-04	51700759	6	6a3	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
601	Lưu Quang	Vinh	14-Nov-04	51700760	6	6a3	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
602	Hoàng Thanh	Tùng	16-Oct-03	51700762	7	7a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
603	Nguyễn Đăng	Nguyên	17-Mar-03	51700763	7	7a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
604	Nguyễn Đức	Thịnh	19-Oct-03	51700764	7	7a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
605	Nông Đức	Quân	03-Jan-03	51700766	7	7a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
606	Nông Hồng	Tâm	31-Jan-03	51700767	7	7a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
607	Bùi Thị Như	Ngọc	18-Feb-03	51700769	7	7a2	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
608	Bùi Lê Phương	Anh	10-Oct-03	51700770	7	7a2	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
609	Đàm Thế	Hùng	26-May-03	51700771	7	7a2	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
610	Lưu Phương	Linh	20-Jan-03	51700773	7	7a2	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
611	Quản Huyền	Mai	22-Nov-03	51700776	7	7a2	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
612	Trần Phương	Anh	02-Dec-03	51700777	7	7a2	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
613	Đỗ Thuỳ	Dung	28-Jul-03	51700779	7	7A3	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
614	Dương Anh	Đức	27-Nov-03	51700780	7	7A3	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
615	Ngô Văn	Dương	13-Feb-03	51700782	7	7A3	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
616	Nguyễn Hồng	Ngân	19-Jun-03	51700783	7	7A3	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
617	Nguyễn Xuân	Tùng	31-Dec-03	51700784	7	7A3	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
618	Vũ Giang Việt	Hoàng	24-Sep-03	51700786	7	7A3	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
619	Đỗ Anh	Khoa	22-Dec-03	51700787	7	7a4	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
620	Hà Lê phương	Linh	15-Nov-03	51700788	7	7a4	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
621	Hoàng Thị Huyền	Trang	25-Nov-03	51700789	7	7a4	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
622	Khúc Mai	Linh	22-May-03	51700790	7	7a4	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
623	Lưu Phương	Thảo	04-Aug-03	51700791	7	7a4	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
624	Nông Phương Hiền	Anh	22-Aug-03	51700792	7	7a4	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
625	Trần Hà	Linh	13-Nov-03	51700793	7	7a4	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
626	Trần Thị Hồng	Thúy	20-Nov-03	51700794	7	7a4	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
627	Lê Đình	Hiếu	30-Apr-02	51700795	8	8a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
628	Phan Vũ Huyền	Trang	20-Jan-02	51700796	8	8a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
629	Hầu Thanh	Bình	28-Jan-02	51700797	8	8a3	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
630	Lưu Trần Bảo	Linh	17-Oct-02	51700798	8	8a3	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
631	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	20-Jul-02	51700799	8	8a3	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
632	Tổng Mai	Linh	18-Feb-02	51700800	8	8a3	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
633	Trần Đình	Nhấn	20-Mar-02	51700801	8	8a3	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
634	Lê Quỳnh	Xuân	29-Jan-01	51700802	9	9a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
635	Ngô Tuyết	Trinh	08-Nov-01	51700803	9	9a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
636	Nguyễn Kim	Ngọc	08-Sep-01	51700804	9	9a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
637	Nguyễn Ngọc	Anh	28-Jun-01	51700805	9	9a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
638	Nguyễn Thị Hải	Chi	10-Sep-01	51700806	9	9a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
639	Sầm Hoa	Tú	14-Apr-01	51700807	9	9a1	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên
640	Đặng Anh	Phương	18-Mar-04	51700809	6	6A	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
641	Huỳnh Tấn	Phát	25-Jan-04	51700810	6	6A	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
642	Lại Thùy	Ngân	01-Oct-04	51700811	6	6A	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
643	Nguyễn Hạnh	Nguyên	18-Sep-04	51700812	6	6A	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
644	Nguyễn Hồng	Hạnh	11-Jul-04	51700813	6	6A	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
645	Nguyễn Lê	Kiên	23-Apr-04	51700814	6	6A	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
646	Nguyễn Phương	Thảo	11-Nov-04	51700815	6	6A	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
647	Nguyễn Quân	Anh	22-Dec-04	51700816	6	6A	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
648	Phạm Thu	Trang	01-Nov-04	51700817	6	6A	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
649	Thái Linh	Chi	29-Feb-04	51700818	6	6A	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
650	Nguyễn Phạm Thanh	Ngọc	31-Mar-04	51700821	6	6D	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
651	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	21-Apr-04	51700822	6	6D	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
652	Dương Hoàn	Anh	17-Feb-03	51700823	7	7A	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
653	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	20-Mar-03	51700824	7	7A	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
654	Phạm Ánh	Dương	25-May-03	51700825	7	7A	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
655	Trần Hoàng Bảo	Linh	28-Feb-03	51700826	7	7A	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
656	Vũ Thu	An	02-Nov-03	51700827	7	7A	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
657	Hoàng Thu	Hà	09-Oct-03	51700829	7	7B	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
658	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	15-Jan-03	51700831	7	7B	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
659	Đỗ Thái	Hòa	26-Jul-02	51700832	8	8B	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
660	Đỗ Văn	Hảo	27-Mar-02	51700833	8	8B	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
661	Nguyễn Đình	Chung	26-Sep-02	51700834	8	8B	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
662	Vũ Hương	Giang	06-Apr-02	51700836	8	8B	THCS Hương Sơn	TP. Thái Nguyên
663	Mai Nguyên	Phương	26-Mar-01	51700838	9	9A1	THCS Lương Ngọc Quyến	TP. Thái Nguyên
664	Đoàn Hiếu	Quân	20-Mar-04	51700839	6	6A2	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên
665	Hoàng Minh	Tuấn	15-Aug-04	51700840	6	6A3	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên
666	Nguyễn Thanh	Tùng	03-Nov-04	51700841	6	6A3	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên
667	Phạm Ngọc	Diệp	31-Oct-04	51700843	6	6A3	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên
668	Phan Thị Thanh	Hường	18-Mar-04	51700844	6	6A3	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
669	Trần Ngọc Ánh	23-Dec-04	51700845	6	6A3	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên
670	Nguyễn Hữu Đạt	22-Nov-04	51700846	6	6A4	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên
671	Đặng Thị Quỳnh	12-Mar-03	51700847	7	7A1	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên
672	Lê Mai Hương	17-May-03	51700848	7	7A2	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên
673	Lê Phương Linh	23-Oct-03	51700849	7	7A2	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên
674	Lê Thị Quỳnh Anh	18-Aug-03	51700850	7	7A2	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên
675	Nguyễn Đức Thắng	02-May-03	51700851	7	7A2	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên
676	Nguyễn Mạnh Thắng	09-Aug-03	51700852	7	7A2	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên
677	Võ Đức Long	20-Nov-03	51700853	7	7A2	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên
678	Cao Thị Quỳnh	19-Jul-03	51700854	7	7A3	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên
679	Nguyễn Minh Hải	23-Oct-02	51700858	8	8A1	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên
680	Trần Đình Hoàng	14-Feb-04	51700859	6	6A1	THCS Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên
681	Lê Ngọc Phương Thảo	28-Oct-03	51700860	7	7A3	THCS Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên
682	Nguyễn Thị phương Linh	15-Nov-03	51700861	7	7A3	THCS Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên
683	Phạm Thị Thu Hà	07-Nov-03	51700862	7	7A3	THCS Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên
684	Đặng Như Quỳnh	08-Dec-02	51700863	8	8A1	THCS Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên
685	Trần Mai Phương	22-May-02	51700864	8	8A1	THCS Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên
686	Trần Thế Hùng	26-May-02	51700865	8	8A1	THCS Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên
687	Nguyễn Lê Thu Hà	16-Feb-02	51700866	8	8A3	THCS Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên
688	Trần Hoàng Yến	22-Mar-02	51700867	8	8A3	THCS Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên
689	Triệu Mai Nương	15-Feb-02	51700868	8	8A3	THCS Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên
690	Nguyễn Đức Quỳnh Mai	29-Nov-01	51700869	9	9A3	THCS Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên
691	Nguyễn Khánh Linh	20-Mar-01	51700870	9	9A3	THCS Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên
692	Phạm Trang Nhung	09-Sep-02	51700881	8	8A2	THCS Tân Lập	TP. Thái Nguyên
693	Vũ Đình Bách	11-Jul-02	51700884	8	8A2	THCS Tân Lập	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
694	Chu Thị Ngọc	Nhi	02-Oct-01	51700885	9	9A2	THCS Tân Lập	TP. Thái Nguyên
695	Lưu Thị Thu	Cúc	21-Apr-01	51700886	9	9A2	THCS Tân Lập	TP. Thái Nguyên
696	Bùi Thủy	Anh	27-Mar-02	51700887	8	8A1	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên
697	Hoàng Thị Quỳnh	Hoa	28-Apr-02	51700888	8	8A1	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên
698	Lê Thị Phương	Thảo	23-Nov-02	51700889	8	8A1	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên
699	Nguyễn Đỗ Hà	Ngân	01-Oct-02	51700890	8	8A1	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên
700	Nguyễn Thị Phương	Đông	25-Dec-02	51700891	8	8A1	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên
701	Nguyễn Minh	Ngọc	04-Apr-02	51700892	8	8A2	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên
702	Nguyễn Tứ	Tuệ	09-Nov-02	51700893	8	8A2	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên
703	Vũ Nguyễn Ngọc	Linh	05-Apr-02	51700894	8	8A2	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên
704	Hoàng Anh	Dũng	16-Jun-02	51700895	8	8A3	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên
705	Nguyễn Hồng	Ngọc	03-Sep-01	51700899	9	9A1	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên
706	Trịnh Phương	Thảo	17-Jun-01	51700900	9	9A1	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên
707	Đinh Nhật	Ngà	06-Sep-01	51700902	9	9A3	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên
708	Lê Thị Phương	Linh	01-Dec-01	51700903	9	9A3	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên
709	Vũ Kim	Ngân	06-Dec-01	51700905	9	9A3	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên
710	Hoàng Trần Diệp	Linh	06-Jul-04	51700908	6	6A1	THCS Tân Thịnh	TP. Thái Nguyên
711	Nguyễn Huy	Hoàng	17-May-04	51700909	6	6A1	THCS Tân Thịnh	TP. Thái Nguyên
712	Nguyễn Lan	Anh	03-May-04	51700910	6	6A1	THCS Tân Thịnh	TP. Thái Nguyên
713	Nguyễn Thu	Thảo	23-Dec-04	51700911	6	6A1	THCS Tân Thịnh	TP. Thái Nguyên
714	Nguyễn Trần Phương	Thảo	17-May-04	51700912	6	6A1	THCS Tân Thịnh	TP. Thái Nguyên
715	Phạm Anh	Tú	25-Feb-04	51700913	6	6A1	THCS Tân Thịnh	TP. Thái Nguyên
716	Trần Quỳnh	Anh	20-Jan-04	51700914	6	6A1	THCS Tân Thịnh	TP. Thái Nguyên
717	Đào Thị Ngọc	Hiếu	22-Apr-04	51700915	6	6A2	THCS Tân Thịnh	TP. Thái Nguyên
718	Bùi Hiếu	Ngân	29-Sep-01	51700916	9	9A	THCS Trưng Vương	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
719	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	20-Feb-01	51700917	9	9A	THCS Trưng Vương	TP. Thái Nguyên
720	Nguyễn Mỹ	Hằng	15-Mar-01	51700918	9	9A	THCS Trưng Vương	TP. Thái Nguyên
721	Phạm Thị Mỹ	Linh	11-Jun-01	51700919	9	9A	THCS Trưng Vương	TP. Thái Nguyên
722	Trần Ngọc	Ánh	10-Feb-04	51700920	6	6C	THCS Trưng Vương	TP. Thái Nguyên
723	Trần Linh	Nhi	18-Mar-03	51700921	7	7A2	THCS Túc Duyên	TP. Thái Nguyên
724	Đỗ Phương	Ngân	11-Aug-01	51700922	9	9A2	THCS Túc Duyên	TP. Thái Nguyên
725	Nguyễn Gia	Phước	03-Aug-01	51700923	9	9A2	THCS Túc Duyên	TP. Thái Nguyên
726	Nguyễn Thị Thu	Trà	10-Mar-01	51700924	9	9A2	THCS Túc Duyên	TP. Thái Nguyên
727	Phạm Kim	Anh	28-Oct-01	51700925	9	9A2	THCS Túc Duyên	TP. Thái Nguyên
728	Lưu Thị Cẩm	Ly	03-Feb-03	51700926	7	7A3	THPT Bình Yên	Định Hoá
729	Ma Thị	Châm	10-Dec-03	51700927	7	7A3	THPT Bình Yên	Định Hoá
730	Nguyễn Hoàng	Son	12-Feb-03	51700928	7	7A3	THPT Bình Yên	Định Hoá
731	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	28-May-03	51700929	7	7A3	THPT Bình Yên	Định Hoá
732	Nguyễn Thị Vân	Khanh	16-Jan-03	51700930	7	7A3	THPT Bình Yên	Định Hoá
733	Trần Thu	Hiền	02-Jan-03	51700931	7	7A3	THPT Bình Yên	Định Hoá
734	Vũ Hồng	Ngân	5-Jun-03	51700932	7	7A3	THPT Bình Yên	Định Hoá
735	Lương Kiều	Oanh	01-Jan-01	51700933	9	9a2	THPT Bình Yên	Định Hoá
736	Ma Kiều	Diễm	25-Jan-01	51700934	9	9a2	THPT Bình Yên	Định Hoá
737	Bùi Thị Thu	Trang	22-Apr-01	51700935	9	9a3	THPT Bình Yên	Định Hoá
738	Đỗ Mạnh	Dũng	12-Feb-01	51700936	9	9a3	THPT Bình Yên	Định Hoá
739	Hoàng Thị Hương	Giang	26-Aug-01	51700937	9	9a3	THPT Bình Yên	Định Hoá
740	Ma Hoàng	Doanh	14-Oct-01	51700938	9	9a3	THPT Bình Yên	Định Hoá
741	Nguyễn Thị	Thùy	26-Jun-01	51700939	9	9a3	THPT Bình Yên	Định Hoá
742	Triệu Anh	Tuân	01-Jun-01	51700940	9	9a3	THPT Bình Yên	Định Hoá
743	Vũ Thị Hồng	Ngọc	15-Jun-01	51700941	9	9a3	THPT Bình Yên	Định Hoá

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
744	Đoàn Trung	Hiếu	06-Aug-04	51700942	6	6C	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
745	Ngô Thiện	An	11-Sep-04	51700943	6	6C	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
746	Nông Thanh	Hải	05-Sep-04	51700944	6	6C	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
747	Nông Tiến	Dũng	19-Nov-04	51700945	6	6C	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
748	Vũ Thanh	Tùng	13-Aug-04	51700946	6	6C	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
749	Cao Bích	Ngọc	18-Apr-03	51700947	7	7A	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
750	Lê Hồng	Quý	20-Sep-03	51700948	7	7A	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
751	Lê Nguyễn Quang	Minh	20-Nov-03	51700949	7	7A	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
752	Nguyễn Hoàng	Huy	29-Dec-03	51700950	7	7A	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
753	Hà Quang	Nam	23-Apr-02	51700951	8	8B	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
754	Lê Huy	Hoàng	13-Nov-02	51700952	8	8B	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
755	Nguyễn Hương	Giang	13-Jun-02	51700953	8	8B	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
756	Doãn Hà	Phương	13-Oct-01	51700954	9	9C	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
757	Lưu Đức	Toàn	04-Nov-01	51700955	9	9C	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
758	Nguyễn Tiến	Dũng	12-Aug-01	51700956	9	9C	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
759	Trần Lê	Thắng	04-Mar-01	51700957	9	9C	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ
760	Đặng Lưu	Anh	20-Dec-04	51700958	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
761	Đặng Phước	Chính	08-Mar-04	51700959	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
762	Đào Bạch Trà	My	01-Oct-04	51700960	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
763	Đỗ Duy	Anh	14-Feb-04	51700962	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
764	Đoàn Phương	Trang	11-Aug-04	51700963	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
765	Hoàng Xuân	Tân	13-Dec-04	51700965	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
766	Lê Anh	Quân	27-Dec-04	51700966	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
767	Lê Tiến	Dũng	18-Dec-04	51700967	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
768	Lương Thanh	Hường	07-May-04	51700968	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
769	Lý Phương Hoa	18-Oct-04	51700969	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
770	Ngô Thị Hải Yến	22-Oct-04	51700971	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
771	Nguyễn Đức Mạnh	03-Jan-04	51700972	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
772	Nguyễn Duy Minh	02-May-04	51700973	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
773	Nguyễn Hữu Khánh	22-Dec-04	51700975	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
774	Nguyễn Ngọc Diệp	03-Jul-04	51700976	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
775	Nguyễn Thị Duyên	22-Jan-04	51700979	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
776	Nguyễn Thúy Ngân	06-Feb-04	51700980	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
777	Nguyễn Xuân Khoa	11-May-04	51700982	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
778	Phạm Hà Phương	08-Jul-04	51700983	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
779	Phạm Phương Nam	30-Jun-04	51700984	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
780	Phạm Thị Minh Thu	21-Mar-04	51700985	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
781	Trương Thảo Vân	04-Apr-04	51700986	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
782	Vũ Thu Phương	16-Nov-04	51700988	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
783	Vũ Việt Hoàng	31-May-04	51700989	6	6A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
784	Bùi Thị Thu Trang	15-Jul-04	51700990	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
785	Đào Ánh Ngọc	21-Apr-04	51700991	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
786	Đỗ Thu Hà	18-Aug-04	51700992	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
787	Đỗ Tô Quỳnh Chi	08-Jan-04	51700993	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
788	Dương Hoàng Anh	23-Apr-04	51700994	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
789	Dương Lâm Phương	06-Sep-04	51700995	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
790	Hồ Thanh Bình	18-Jul-04	51700996	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
791	Hoàng Hải Linh	07-Dec-04	51700997	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
792	Nguyễn Huy Hoàng	1-Jun-04	51701000	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
793	Nguyễn Phương Thảo	01-Feb-04	51701002	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
794	Nguyễn Thảo	Linh	27-Jun-04	51701004	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
795	Nguyễn Thế	Ánh	06-Oct-04	51701005	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
796	Nguyễn Trà	My	10-Oct-04	51701006	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
797	Nguyễn Trần Quang	Huy	13-Dec-04	51701007	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
798	Nông Thị Minh	Phương	03-Sep-04	51701008	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
799	Phạm Thành	Nam	13-Mar-04	51701009	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
800	Phạm Thị Hiền	Linh	08-May-04	51701010	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
801	Phạm YẾN	Nhi	27-Oct-04	51701011	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
802	Trần Khánh	Linh	07-Apr-04	51701012	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
803	Trần Vũ Hồng	Hạnh	23-Dec-04	51701013	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
804	Trịnh Hải	Minh	26-Sep-04	51701014	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
805	Vũ Hoàng Ngọc	Linh	30-May-04	51701016	6	6B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
806	Đinh Hồng	Ánh	27-Mar-04	51701017	6	6C	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
807	Nguyễn Phương	Thảo	26-Jul-04	51701021	6	6C	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
808	Nguyễn Tuấn	Sơn	12-Dec-04	51701022	6	6C	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
809	Đào Thị Kim	Anh	15-May-03	51701023	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
810	Hà Phương	Ngân	16-Sep-03	51701024	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
811	Hoàng Đại	Dương	01-Dec-03	51701025	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
812	Lã Bảo	Chi	06-Nov-03	51701026	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
813	Lâm Ngọc	Bảo	14-Oct-03	51701027	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
814	Lê Đăng	Huy	22-May-03	51701028	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
815	Lê Minh	Anh	02-Mar-03	51701029	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
816	Nguyễn Công	Độ	02-Feb-03	51701030	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
817	Nguyễn Đức	Thịnh	26-Sep-03	51701031	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
818	Nguyễn Hoàng	Lâm	28-Dec-03	51701032	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
819	Nguyễn Mai Ngân	01-Jul-03	51701033	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
820	Nguyễn Phương Mai	08-Mar-03	51701035	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
821	Nguyễn Quang Anh	19-Aug-03	51701036	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
822	Nguyễn Thị Phương Anh	2-Dec-03	51701037	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
823	Nguyễn Thị Vân Anh	30-Jul-03	51701038	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
824	Nguyễn Trần Thu Quyên	09-Sep-03	51701039	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
825	Nguyễn Trung Nghĩa	20-Feb-03	51701040	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
826	Phan Thu Ngân	03-Oct-03	51701041	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
827	Phùng Minh Ngọc	05-Aug-03	51701042	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
828	Trần Thiên Bảo	18-Jun-03	51701043	7	7A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
829	Nguyễn Trung Hiếu	05-Nov-03	51701044	7	7B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
830	Bùi Trung Đức	29-Oct-02	51701045	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
831	Bùi Viết Dũng	28-Jan-02	51701046	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
832	Chu Thúy Ngân	30-Aug-02	51701047	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
833	Đỗ Thu Trang	13-Nov-02	51701048	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
834	Hà Thanh Thảo	21-Jan-02	51701049	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
835	Khúc Hoàng Huy	04-Oct-02	51701050	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
836	Lê Minh Thảo	23-Jan-02	51701051	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
837	Nguyễn Diệp Trọng Đức	2-Aug-02	51701052	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
838	Nguyễn Hồng Hạnh	13-Sep-02	51701053	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
839	Nguyễn Khắc Tuấn	4-Aug-02	51701054	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
840	Nguyễn Minh Tùng	14-Dec-02	51701055	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
841	Nguyễn Ngọc Thắng	22-May-02	51701056	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
842	Nguyễn Quang Huy	14-Sep-02	51701057	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
843	Nguyễn Hương Giang	20-Jul-02	51701058	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
844	Phạm Khánh Ly	10-Sep-02	51701059	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
845	Phạm Tú Anh	07-Dec-02	51701060	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
846	Tô Thị Mai Anh	09-Nov-02	51701061	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
847	Trần Danh Hiếu	17-Mar-02	51701062	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
848	Trần Hà Quang Huy	16-Jul-02	51701063	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
849	Trần Hương Giang	17-Feb-02	51701064	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
850	Trần Khánh Duy	6-Aug-02	51701065	8	8A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
851	Nguyễn Minh Trang	13-Oct-02	51701066	8	8B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
852	Nguyễn Thanh Phượng	10-Aug-02	51701067	8	8B	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
853	Lương Thúy Lan	02-Aug-02	51701068	8	8C	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
854	Chu Khánh Hạnh	26-Jan-01	51701069	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
855	Đàm Lê Mai	01-May-01	51701071	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
856	Đàm Ngọc Anh	18-Sep-01	51701072	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
857	Đàm Thị Xuân Hạ	18-Jan-01	51701073	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
858	Đào Hoàng Hạnh	16-Oct-01	51701074	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
859	Đỗ Phương Anh	10-Feb-01	51701075	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
860	Đỗ Thanh Phương	14-Feb-01	51701076	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
861	La Quỳnh Anh	13-Sep-01	51701077	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
862	Lê Diệu Phương	16-Mar-01	51701078	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
863	Lê Thị Hương Thảo	30-Jun-01	51701079	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
864	Lê Thị Quỳnh Anh	26-Feb-01	51701080	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
865	Lê Trung Hiếu	11-Nov-01	51701081	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
866	Lưu Thị Thanh Thủy	05-Mar-01	51701082	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
867	Lý Khương Duy	02-Apr-01	51701083	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
868	Nghiêm Chính Nghĩa	27-Apr-01	51701084	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
869	Nguyễn Anh	Nhật	19-Dec-01	51701085	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
870	Nguyễn Bình	Nguyên	13-Jul-01	51701086	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
871	Nguyễn Huy	Hoàng	19-Feb-01	51701087	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
872	Nguyễn Khánh	Linh	07-Aug-01	51701088	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
873	Nguyễn Kiều	Mai	12-May-01	51701089	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
874	Nguyễn Lan	Phương	01-Jan-01	51701090	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
875	Nguyễn Linh	Chi	12-Feb-01	51701091	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
876	Nguyễn Minh	Tùng	17-Apr-01	51701092	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
877	Nguyễn Ngọc	Diệp	14-Apr-01	51701093	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
878	Nguyễn Ngọc	Huyền	20-Dec-01	51701094	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
879	Nguyễn Phương	Anh	22-Feb-01	51701095	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
880	Nguyễn Quỳnh	Thu	07-Mar-01	51701096	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
881	Nguyễn Thanh	Trang	17-Jan-01	51701097	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
882	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	28-Jun-01	51701098	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
883	Nguyễn Trung	Kiên	24-Aug-01	51701100	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
884	Nguyễn Trung	Hiếu	15-Mar-01	51701101	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
885	Nguyễn Trung	Nguyên	06-Feb-01	51701102	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
886	Nguyễn Văn	Trung	19-Dec-01	51701103	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
887	Ôn Nguyễn Chí	Đạt	21-Sep-01	51701104	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
888	Phạm Hồng	Nhung	04-Aug-01	51701105	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
889	Phan Nguyễn Hiền	Thảo	22-Sep-01	51701107	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
890	Phùng Tuấn	Anh	07-Jun-01	51701108	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
891	Tô Nhật	Thành	25-Apr-01	51701109	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
892	Trần Hải	Nam	12-Sep-01	51701110	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
893	Triệu Trung	Hiếu	06-Jan-01	51701111	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
894	Vũ Thu	Hằng	03-Dec-01	51701112	9	9A	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ
895	Ngô Minh	Ngọc	08-Feb-04	51701113	6	6C	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
896	Nguyễn Thục	Uyên	17-Apr-04	51701114	6	6C	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
897	Đặng Thị Quỳnh	Mai	26-Feb-03	51701116	7	7A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
898	Đào Thị Thanh	Nam	29-Aug-03	51701117	7	7A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
899	Đỗ Tiến	Anh	26-Sep-03	51701118	7	7A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
900	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	20-Aug-03	51701122	7	7D	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
901	Hoàng Anh	Tú	04-Mar-02	51701125	8	8A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
902	Nguyễn Đình	Thảo	07-Jul-02	51701127	8	8A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
903	Nguyễn Đức Tú	Hoàng	27-Sep-02	51701128	8	8A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
904	Nguyễn Long	Vũ	23-Feb-02	51701130	8	8A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
905	Nguyễn Việt	Đức	18-Feb-02	51701134	8	8A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
906	Phạm Văn Bình	Minh	11-Aug-02	51701135	8	8A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
907	Trần Đức	Hoàng	11-Jun-02	51701136	8	8A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
908	Vương Nguyễn Đình	Minh	10-Nov-02	51701138	8	8A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
909	Ngô Hải	Yến	6-Mar-02	51701140	8	8B	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
910	Bùi Thu	Trang	23-Feb-01	51701141	9	9A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
911	Hoàng Thu	Thủy	19-Mar-01	51701143	9	9A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
912	Lê Thị Thu	Hương	07-Oct-01	51701144	9	9A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
913	Nguyễn Hồng	Mai	30-Dec-01	51701145	9	9A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
914	Nguyễn Trần Anh	Quân	02-Dec-01	51701146	9	9A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
915	Nông Phương	Thảo	07-Oct-01	51701147	9	9A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
916	Phạm Minh	Hạnh	15-Oct-01	51701148	9	9A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
917	Trần Thị	Huệ	15-Jan-01	51701149	9	9A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
918	Trần Thị Yến	Ninh	18-Jul-01	51701150	9	9A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
919	Trương Thị Hồng	Huệ	10-Jul-01	51701151	9	9A	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
920	Cù Thành	Đạt	09-May-01	51701152	9	9C	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên
921	Nguyễn Đức	Bách	08-Oct-04	51701153	6	6A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
922	Nguyễn Lê Hà	Trang	4-Oct-04	51701154	6	6A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
923	Nguyễn Tiến	Thành	09-Apr-04	51701156	6	6A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
924	Đỗ Phương	Linh	15-Sep-03	51701157	7	7A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
925	Hoàng Huy	Tuấn	12-Mar-03	51701159	7	7A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
926	Hoàng Thanh	Hải	15-Feb-03	51701160	7	7A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
927	Nguyễn Thị Xuân	Mai	6-May-03	51701161	7	7A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
928	Trần Khánh	Linh	01-Oct-03	51701162	7	7A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
929	Đoàn Quang	Huy	20-Sep-02	51701163	8	8A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
930	Dương Việt	Bắc	07-Feb-02	51701164	8	8A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
931	Lê Việt	Thương	14-Jan-02	51701165	8	8A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
932	Ngô Đức	Thành	25-Sep-02	51701166	8	8A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
933	Tạ Hồng	Sơn	22-Jan-02	51701168	8	8A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
934	Tạ Thu	Phương	04-Apr-02	51701169	8	8A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
935	Đỗ Thanh	Thùy	30-Aug-01	51701170	9	9A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
936	Kim Quang	Ngọc	25-Feb-01	51701171	9	9A	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên
937	Đoàn Lê Minh	Đức	05-Sep-04	51701172	6	6A	THCS Hồng Tiến	Phổ Yên
938	Nguyễn Trần Phương	Thùy	08-Oct-04	51701173	6	6A	THCS Hồng Tiến	Phổ Yên
939	Trần Vũ Minh	Ngọc	14-Dec-04	51701175	6	6A	THCS Hồng Tiến	Phổ Yên
940	Đặng Nhật Hoàng	Linh	05-Oct-03	51701176	7	7E	THCS Hồng Tiến	Phổ Yên
941	Nguyễn Đăng	Duy	07-Nov-03	51701178	7	7E	THCS Hồng Tiến	Phổ Yên
942	Trần Thái	Sơn	13-Feb-03	51701179	7	7E	THCS Hồng Tiến	Phổ Yên
943	Nguyễn Nhật	Huy	12-Aug-02	51701180	8	8A	THCS Hồng Tiến	Phổ Yên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
944	Nguyễn Thanh	Thu	19-Sep-04	51701181	6	6A	THCS Thị Trấn Đu	Phú Lương
945	Trần Phương	Nam	18-Nov-04	51701182	6	6A	THCS Thị Trấn Đu	Phú Lương
946	Nguyễn Ngọc	Hà	04-Sep-03	51701183	7	7C	THCS Thị Trấn Đu	Phú Lương
947	Hà Linh	Chi	03-Apr-02	51701184	8	8A	THCS Thị Trấn Đu	Phú Lương
948	Tổng Tùng	Lâm	29-Jul-02	51701185	8	8B	THCS Thị Trấn Đu	Phú Lương
949	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	07-Nov-02	51701186	8	8C	THCS Thị Trấn Đu	Phú Lương
950	Mai Đức	Tú	14-Aug-01	51701187	9	9A	THCS Thị Trấn Đu	Phú Lương
951	Nguyễn Tuấn	Kiên	14-Nov-01	51701188	9	9A	THCS Thị Trấn Đu	Phú Lương
952	Nguyễn Minh	Huế	11-Jul-01	51701189	9	9B	THCS Thị Trấn Đu	Phú Lương
953	Nguyễn Vũ	Thùy	19-Feb-01	51701190	9	9C	THCS Thị Trấn Đu	Phú Lương
954	Nguyễn Huy	Hoàng	23-Sep-01	51701192	9	9A1	THCS Lương Sơn	Sông Công
955	Hoàng Thị Kim	Cúc	14-Feb-01	51701194	9	9A2	THCS Lương Sơn	Sông Công
956	Nguyễn Thị Kiều	Vân	28-Jun-01	51701196	9	9A2	THCS Lương Sơn	Sông Công
957	Đồng Tú	Oanh	22-Aug-01	51701197	9	9A4	THCS Lương Sơn	Sông Công
958	Nguyễn Kim	Ngân	05-May-01	51701198	9	9A4	THCS Lương Sơn	Sông Công
959	Nguyễn Văn	Nhàn	06-Jun-01	51701199	9	9A4	THCS Lương Sơn	Sông Công
960	Trần Thu	Uyên	04-Jul-01	51701200	9	9A4	THCS Lương Sơn	Sông Công
961	Vũ Thị Cẩm	Vân	10-Jun-01	51701201	9	9A4	THCS Lương Sơn	Sông Công
962	Đỗ Thu	Hiền	22-Oct-04	51701202	6	6A1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
963	Dương Ngọc	Thủy	10-Feb-04	51701203	6	6A1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
964	Lương Thu	Hương	24-Oct-04	51701204	6	6A1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
965	Nguyễn Bảo	Ngọc	04-Jan-04	51701206	6	6A1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
966	Nguyễn Giang	Ngân	22-Dec-04	51701207	6	6A1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
967	Trần Khánh	Vân	11-Jul-04	51701211	6	6A1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
968	Bùi Vũ Khánh	Nhung	25-Nov-04	51701212	6	6A2	THCS Nguyễn Du	Sông Công

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
969	Mai Thị Trúc	Quỳnh	18-Dec-04	51701213	6	6A2	THCS Nguyễn Du	Sông Công
970	Trần Thị Thu	Cúc	29-Mar-04	51701215	6	6A2	THCS Nguyễn Du	Sông Công
971	Đặng Nam	Khánh	30-Nov-03	51701216	7	7B1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
972	Đình Quốc	Thái	03-Jan-03	51701217	7	7B1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
973	Hồ Hoàng	Anh	25-Jul-03	51701218	7	7B1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
974	Lưu Việt	Trung	09-Nov-03	51701219	7	7B1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
975	Mai Thu	Trang	30-May-03	51701220	7	7B1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
976	Nghiêm Thị Ngọc	Khánh	05-Dec-03	51701221	7	7B1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
977	Nguyễn Minh	Phương	10-Mar-03	51701222	7	7B1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
978	Nguyễn Quốc	Trung	14-Feb-03	51701223	7	7B1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
979	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	10-Dec-03	51701224	7	7B1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
980	Nông Quỳnh	Anh	12-Jul-03	51701225	7	7B1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
981	Hà Anh	Tuấn	01-Apr-03	51701228	7	7B6	THCS Nguyễn Du	Sông Công
982	Trần Thanh	Hà	01-Aug-03	51701230	7	7B6	THCS Nguyễn Du	Sông Công
983	Đỗ Thị Phương	Anh	05-Dec-02	51701231	8	8C1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
984	Hà Ngọc Minh	Huyền	25-Sep-02	51701232	8	8C1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
985	Lê Thị Phương	Thảo	18-Feb-02	51701234	8	8C1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
986	Nguyễn Khánh	Ly	22-Oct-02	51701235	8	8C1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
987	Nguyễn Thị Phương	Thảo	31-Jan-02	51701236	8	8C1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
988	Trần Hải Diệu	Linh	27-Feb-02	51701239	8	8C1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
989	Vũ Đào Phương	Thùy	14-Dec-02	51701240	8	8C1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
990	Vũ Diệp	Anh	22-Jul-02	51701241	8	8C1	THCS Nguyễn Du	Sông Công
991	Nguyễn Ngọc	Mai	18-Aug-02	51701242	8	8C2	THCS Nguyễn Du	Sông Công
992	Nguyễn Ngọc	Thảo	27-Aug-02	51701243	8	8C3	THCS Nguyễn Du	Sông Công
993	Lại Thị Phương	Thảo	12-Sep-01	51701246	9	9D5	THCS Nguyễn Du	Sông Công

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
994	Lê Thị Kim Ngân	18-Jul-01	51701247	9	9D5	THCS Nguyễn Du	Sông Công
995	Nguyễn Phương Anh	27-Nov-01	51701248	9	9D5	THCS Nguyễn Du	Sông Công
996	Phạm Quang Thịnh	27-Mar-01	51701249	9	9D5	THCS Nguyễn Du	Sông Công
997	Nguyễn Quỳnh Anh	08-Oct-01	51701251	9	9D6	THCS Nguyễn Du	Sông Công
998	Trịnh Thị Mai Ý	19-Oct-01	51701252	9	9D6	THCS Nguyễn Du	Sông Công
999	Đặng Thị Thanh Phương	10-Feb-01	51701253	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1000	Đinh Thị Hoài Phương	08-Jun-01	51701254	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1001	Đoàn Lê Mai Thảo	12-May-01	51701255	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1002	Dương Diệu Linh	09-Aug-01	51701256	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1003	Dương Nhật Linh	08-Sep-01	51701257	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1004	Hà Huy Vũ	06-Jan-01	51701259	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1005	Hoàng Lê Mỹ Duyên	16-Jun-01	51701260	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1006	Kim Tuấn Hải	28-Nov-01	51701261	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1007	Ngô Như Quỳnh	21-Jul-01	51701262	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1008	Nguyễn Lan Anh	25-Feb-01	51701263	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1009	Nguyễn Minh Quang	12-Apr-01	51701264	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1010	Nguyễn Phương Ngọc Khánh	27-Jul-01	51701265	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1011	Nguyễn Thị Hà My	05-Jul-01	51701266	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1012	Phùng Thị Mai Phương	09-Oct-01	51701267	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1013	Trần Lê Đức Dũng	17-Jun-01	51701268	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1014	Trần Thu Hằng	02-Apr-01	51701269	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1015	Vũ Mai Trang	16-Apr-01	51701270	9	9D7	THCS Nguyễn Du	Sông Công
1016	Bùi Quang Đại	18-Jan-04	51701271	6	6A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1017	Đái Xuân Khanh	25-Jan-04	51701272	6	6A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1018	Lê Mạnh Hưng	25-Sep-04	51701273	6	6A	THCS Thăng Lợi	Sông Công

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
1019	Ngô Trường	Giang	30-Oct-04	51701275	6	6A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1020	Nguyễn Hồng	Quang	05-Oct-04	51701277	6	6A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1021	Trần Quỳnh	Hương	22-Nov-04	51701284	6	6A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1022	Trần Thùy	Linh	15-Sep-04	51701285	6	6A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1023	Chu Thị Ngọc	Lan	21-Oct-04	51701286	6	6B	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1024	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	29-Jul-04	51701289	6	6C	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1025	Dương Hoàng	Đức	21-Sep-03	51701294	7	7A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1026	Lê Công Nhật	Anh	01-Sep-03	51701295	7	7A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1027	Lương Thị Thanh	Nhàn	20-Nov-03	51701296	7	7A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1028	Ngô Thượng	Hiếu	10-Nov-03	51701297	7	7A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1029	Nguyễn Thị Lan	Chi	16-Sep-03	51701300	7	7A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1030	Nguyễn Thùy	Linh	17-Dec-03	51701301	7	7A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1031	Trần Văn	Bảo	22-Feb-03	51701303	7	7A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1032	Phạm Thu	Hồng	17-Dec-03	51701304	7	7B	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1033	Phạm Lê Trung	Đức	20-Dec-02	51701305	8	8A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1034	Cao Thanh	Tùng	24-Mar-01	51701306	9	9A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1035	Phạm Minh	Ngọc	03-Nov-01	51701309	9	9A	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1036	Trần Đức	Nghĩa	10-Apr-01	51701313	9	9B	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1037	Triệu Tú	Quyên	24-Dec-01	51701314	9	9B	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1038	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	15-Mar-01	51701317	9	9C	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1039	Trần Thị Huyền	Anh	02-Sep-01	51701320	9	9C	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1040	Trịnh Thiên	Thanh	01-Jun-01	51701321	9	9C	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1041	Vũ Ngọc	Dương	08-Jun-01	51701322	9	9C	THCS Thăng Lợi	Sông Công
1042	Đào Phương	Trang	19-Sep-04	51701324	6	6A1	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1043	Ma Thị Minh	Phương	22-May-04	51701330	6	6A1	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
1044	Nguyễn Khánh	Việt	11-Aug-04	51701331	6	6A1	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1045	Nguyễn Tùng	Dương	16-Jun-04	51701332	6	6A1	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1046	Triệu Bá	Lân	07-Sep-04	51701334	6	6A1	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1047	Nguyễn Quang	Mạnh	30-Jul-04	51701338	6	6A2	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1048	Vũ Thị Thu	Thảo	21-May-04	51701343	6	6A3	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1049	Dương Phương	Anh	22-Oct-04	51701345	6	6A4	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1050	Nguyễn Bảo	Lâm	11-Aug-04	51701346	6	6A4	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1051	Nguyễn Duy	Cường	11-Jul-04	51701347	6	6A4	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1052	Nguyễn Quang	Huy	04-Sep-04	51701348	6	6A4	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1053	Nguyễn Thanh	Hải	31-Jan-04	51701349	6	6A4	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1054	Phạm Ngọc	Hiếu	26-Jul-04	51701350	6	6A4	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1055	Phí Đức	Toàn	17-Jun-04	51701351	6	6A4	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1056	Đinh Thị Hà	An	10-Nov-03	51701354	7	7A2	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1057	Trần Quang	Huy	11-Jul-03	51701355	7	7A2	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1058	Chu Quang	Thịnh	23-Jun-02	51701356	8	8A1	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1059	Đặng Bảo	Ngọc	17-Jul-02	51701357	8	8A1	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1060	Đinh Tuấn	Hiệp	07-Mar-02	51701358	8	8A1	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1061	Trịnh Đức	Duy	13-Jul-02	51701359	8	8A1	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1062	Vũ Hoàng Phương	Thúy	01-Oct-02	51701360	8	8A1	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1063	Hoàng Đức	Trung	28-Jun-02	51701361	8	8A2	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1064	Đinh Thu	Hằng	25-Jul-02	51701363	8	8A3	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1065	Nguyễn Thanh	Tùng	29-Jul-02	51701365	8	8A5	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1066	Nguyễn Thu	Trang	25-Apr-02	51701366	8	8A5	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1067	Trần Thái	Hà	15-Feb-02	51701367	8	8A5	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1068	Đào Khánh	Linh	03-Feb-02	51701368	8	8A6	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
1069	Đào Thị Ngọc	Hà	06-Jul-02	51701369	8	8A6	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1070	Đỗ Thu	Thủy	23-Jan-02	51701370	8	8A6	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1071	Hoàng Ngọc	Anh	26-Nov-02	51701371	8	8A6	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1072	Ma Trang	Nhung	20-May-02	51701372	8	8A6	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1073	Nguyễn Anh	Tú	24-Aug-02	51701373	8	8A6	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1074	Phạm Quế	Hằng	05-Jul-02	51701376	8	8A6	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung
1075	Nguyễn Thị Thùy	Linh	06-May-04	51702001	6	6	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1076	Lê Thị Hải	Ninh	01-Nov-01	51702002	9	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
1077	Phạm Thị Ngân	Hà	27-Jan-04	51702003	6	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
1078	Phạm Thị Hà	Vy	17-Dec-02	51702004	8	8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên
1079	Nguyễn Hoàng	Bách	12-Jun-04	51702005	6	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên
1080	Nguyễn Phan Anh	Vũ	08-Aug-01	51702006	9	9	THCS Đỗ Cận	TP. Thái Nguyên
1081	Nguyễn Thị	Vân	29-Sep-04	51702007	6	6B	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1082	Lê Hà	Giang	09-Jun-04	51702008	6	6B	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1083	Nguyễn Phương	Huyền	06-Dec-04	51702009	6	6B	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1084	Nguyễn Thị Hiền	Linh	24-Jun-04	51702010	6	6D	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1085	Vũ Thị Mai	Phương	15-Nov-03	51702011	7	7B	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1086	Nguyễn Hiền	Linh	12-Feb-03	51702012	7	7B	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1087	Vũ Hoàng Ngân	Hà	03-Jun-03	51702013	7	7B	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1088	Đỗ Tùng	Lâm	11-Dec-03	51702014	7	7B	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1089	Trần Đức	Anh	21-Nov-03	51702015	7	7B	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1090	Võ Diệu	Thảo	13-Jul-01	51702016	9	9C	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1091	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	16-Nov-01	51702017	9	9C	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1092	Trịnh Phương	Hoa	04-Jun-01	51702018	9	9C	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1093	Đào Quốc	Khánh	28-Sep-01	51702019	9	9C	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
1094	Lê Thị Thanh	Hương	04-Sep-01	51702020	9	9C	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1095	Phạm Thị	Phương	01-Aug-01	51702021	9	9C	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1096	Bế Trần Hoàng	Đàm	02-Jan-01	51702022	9	9C	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1097	Nghiêm Thu	Huyền	20-Jun-04	51702023	6	6	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1098	Cáp Thanh	Mai	19-Jan-03	51702024	7	7	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1099	Đàm Quốc	Việt	15-Jul-03	51702027	7	7D	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1100	Vũ Thiên	Dương	18-Feb-03	51702028	7	7D	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên
1101	Dương Trường	Huy	30-Nov-03	51702029	7	7A3	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
1102	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13-Jul-02	51702030	8	8A5	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên
1103	La Trọng	Vinh	13-Mar-02	51702031	8	8A3	THCS Tân Long	Phường Tân Long
1104	Đặng Châu Anh	Karina	01-Oct-01	51702032	9	9A1	THCS Tân Long	Phường Tân Long